

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2020/QĐST -HNGĐ

Mường Ảng, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị C, sinh năm 1992.
NĐKKHTT: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.
Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Tòng Văn T, sinh năm 1980.
Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Lò Thị I, sinh năm 1935.
Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Ngân hàng chính sách xã hội.
Trụ sở: Số X, phố L, phường H, quận H, TP. Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T1 – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Ảng.

Địa chỉ: Bản H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 và điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào điều 147 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị C và anh Tòng Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị C và anh T có 02 người con chung là:

1. Cháu Tòng Minh B, sinh ngày 03/8/2013.

2. Cháu Tòng Thị Hạ L, sinh ngày 07/7/2016.

Chị C và anh T thỏa thuận, thống nhất việc giao nuôi con chung: Chị C sẽ là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tòng Thị Hạ L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tòng Minh B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị C và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời gian bắt đầu giao nuôi con chung từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị C và anh T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung thu về; nợ chung phải trả:

*** Về tài sản chung:** Chị C và anh T thỏa thuận thống nhất trả lại 01 ngôi nhà sàn bốn gian lợp bằng Fibroximăng diện tích 100m², có bếp nổi liền được lợp bằng Fibroximăng nằm trên diện tích đất khoảng 200m² tại Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên và 01 mảnh đất khoảng 200m² chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía đông giáp nhà ông Lương Văn Ở, phía tây giáp nhà bà Quàng Thị B1, phía bắc giáp bà Tòng Thị T2, phía Nam giáp ao nhà ông Lương Văn L1, tại Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên cho bà Lò Thị I. Bà Lò Thị I không phải trả lại số tiền chị C và anh T đã bỏ ra để sửa lại ngôi nhà.

*** Về tài sản riêng; nợ chung thu về:** Chị C và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về nợ chung phải trả:** Chị C và anh T thỏa thuận thống nhất tổng số tiền nợ gốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi của khoản nợ trên tính từ ngày 02/2020 cho đến nay. Chị C sẽ có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và số tiền lãi của khoản nợ trên. Anh T sẽ có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi của khoản nợ trên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** bà Lò Thị I và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí với việc trả lại ngôi nhà, mảnh đất và cách giao nợ chung phải trả của chị C và anh T.

2.4 Về án phí: Chị C và anh T mỗi người tự nguyện chịu 75.000^d (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng chị C và anh T là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ Q&LIHP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Phương